

Cập nhật thông tin về thuế và luật

Dịch vụ tư vấn thuế và luật

Tháng 10 - 2016



1. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (“TNDN”)

(i) *Chi nhánh công ty thành lập trong giai đoạn 2007 – 2008 là dự án đầu tư mở rộng, được hưởng ưu đãi về thời gian miễn giảm và không được hưởng ưu đãi về thuế suất*

Theo Công văn số 11753/BTC-TCT ngày 23/8/2016, Bộ Tài Chính quy định chi nhánh công ty thành lập trong giai đoạn 2007 – 2008 là dự án đầu tư mở rộng và theo đó chỉ được áp dụng hưởng ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng, và không được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế TNDN (như đối với dự án đầu tư mới).

(ii) *Lãi phát sinh từ khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn của tài khoản vốn phải tính vào thu nhập chịu thuế TNDN*

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4507/TCT-CS ngày 29/9/2016 của Tổng Cục thuế, trường hợp doanh nghiệp sử dụng phần vốn góp điều lệ bằng ngoại tệ gửi tiết kiệm ngắn hạn phù hợp với quy định của pháp luật về việc sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ thì khoản lãi phát sinh từ việc gửi tiết kiệm này phải tính vào thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với khoản tiền gốc bằng ngoại tệ được chuyển giữa tài khoản tiết kiệm và tài khoản thanh toán, và làm phát sinh chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi là khoản tiền góp vốn điều lệ thì không tính vào chi phí được trừ cũng như thu nhập chịu thuế TNDN.

(iii) *Thông tư 86/2016/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập, sử dụng, hạch toán Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường*

Ngày 20/6/2016, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 86/2016/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập, sử dụng, hạch toán Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường với một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực:
 - dầu khí;
 - sản xuất, kinh doanh hóa chất, xăng dầu;
 - sử dụng tàu biển chuyên dùng để vận chuyển dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác khi hoạt động trong vùng cảng biển và vùng biển Việt Nam; và
 - lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

- Mức trích lập được xác định bằng 0,5% trên doanh thu thuần năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm. Khi số dư của Quỹ bằng 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp thì không tiếp tục thực hiện trích Quỹ.

(iv) *Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (“Quỹ PTKHCN”)*

Ngày 28/6/2016, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp với một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Bổ sung nội dung chi của Quỹ, bao gồm các khoản chi quản lý Quỹ như: chi lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc, chi phụ cấp cho cán bộ kiêm nhiệm, chi trụ sở làm việc (nếu có).
- Bổ sung quy định về tiền chậm nộp phát sinh từ số thuế TNDN phải nộp thêm trong trường hợp doanh nghiệp hoàn nhập quỹ do không sử dụng, theo đó tiền chậm nộp tương ứng sẽ không được coi là chi phí hợp lệ.
- Bổ sung quy định về báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng quỹ. Theo đó, báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng quỹ phải được gửi đến cơ quan thuế quản lý, Sở Khoa học công nghệ và Sở Tài chính cùng thời hạn nộp quyết toán thuế TNDN.

Thông tư liên tịch 12 có hiệu lực từ 1/9/2016 và áp dụng cho năm tính thuế 2016.

(v) Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC về khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")

Ngày 13/10/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC với một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Bổ sung quy định về quản lý và trích khấu hao đối với tài sản là nhà hỗn hợp, theo đó trường hợp TSCĐ là nhà hỗn hợp vừa sử dụng làm tài sản hoạt động của doanh nghiệp, vừa để bán, cho thuê thì doanh nghiệp phải xác định, tách riêng phần tài sản (diện tích) để bán, để cho thuê và không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao. Trường hợp không xác định, tách riêng được phần tài sản để bán, để cho thuê thì doanh nghiệp không hạch toán toàn bộ tài sản là TSCĐ và không được trích khấu hao;
- Bổ sung thêm loại hình tài sản số 6 và các quy định về quản lý, khấu hao áp dụng đối với TSCĐ là kết cấu hạ tầng có giá trị lớn do Nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế quản lý, khai thác, sử dụng;
- Sửa đổi quy định về thời gian trích khấu hao của TSCĐ đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (B.O.T) và dự án hợp đồng hợp tác kinh doanh (B.C.C). Theo đó, thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Theo quy định trước đây, thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định từ thời điểm đưa TSCĐ vào sử dụng đến khi kết thúc dự án.

Thông tư 147 có hiệu lực từ ngày 28/11/2016 và áp dụng cho năm tài chính 2016.

2. Thuế Thu Nhập Cá Nhân ("TNCN")

- (i) Tăng mức tiền ăn giữa ca lên 730.000 VNĐ/người/tháng
- Ngày 1/9/2016, Bộ Lao Động Thương Binh và Xã hội ban hành Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ("Thông tư 26") hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đáng lưu ý, mức tiền ăn giữa ca được tăng lên từ 680.000 VNĐ/người/tháng lên 730.000 VNĐ/người/tháng.

Theo hướng dẫn tại thông tư 111/2013/TT-BTC về thuế TNCN, trường hợp người sử dụng lao động là doanh nghiệp ngoài Nhà nước và các tổ chức khác không tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa mà chi tiền cho người lao động thì khoản chi không vượt quá mức áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân. Do đó, có thể hiểu, mức khống chế phụ cấp tiền ăn giữa ca, ăn trưa chi bằng tiền được miễn thuế TNCN của các doanh nghiệp sẽ là 730.000 VNĐ/người/tháng.

Thông tư 26 có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2016. Các chế độ quy định tại thông tư được áp dụng từ ngày 1/1/2016.

3. Cơ sở thường trú cho mục đích thuế

- (i) Văn phòng đại diện ("VPDD") được coi là tạo thành cơ sở thường trú cho tổ chức nước ngoài nếu thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2826/TCT-DNL ngày 23/6/2016 của Tổng Cục thuế, trường hợp VPDD thay mặt cho tổ chức nước ngoài thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại và tham gia vào quá trình thực hiện các hợp đồng đã ký kết thì tổ chức nước ngoài được xem là đã thực hiện một phần hoạt động kinh doanh của mình thông qua VPDD, và do đó được coi là đã hình thành cơ sở thường trú tại Việt Nam, và có nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.



4. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

(i) Thời điểm nộp bổ sung Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)

Theo hướng dẫn tại các Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 4/10/2016 của Bộ Tài Chính, thời điểm nộp C/O được thực hiện như sau:

- Người khai hải quan phải nộp bản chính C/O cho cơ quan hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan để được xem xét hưởng mức thuế ưu đãi theo biểu thuế suất ưu đãi tương ứng.
- Trường hợp chưa có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai hải quan và nộp C/O trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Riêng đối với mẫu C/O theo Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Hàn Quốc, thời hạn này là trong vòng 1 năm. Trong thời gian chưa nộp C/O, người khai hải quan khai báo theo mức thuế suất ưu đãi tối ưu nhất (MFN).
- Ngoài thời hạn nêu trên, cơ quan hải quan chỉ xem xét đề nghị bổ sung C/O trong trường hợp:
 - Tại thời điểm đăng ký tờ khai, với mã HS thông báo, thuế suất MFN thấp hơn hoặc bằng với thuế suất ưu đãi đặc biệt, doanh nghiệp kê khai theo thuế suất MFN và không áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Sau khi hàng hóa đã thông quan, cơ quan hải quan xác định lại mã HS hoặc doanh nghiệp khai báo bổ sung mã HS, theo đó, với mã HS mới thì thuế suất MFN cao hơn so với thuế suất ưu đãi.
 - Tại thời điểm đăng ký tờ khai, hàng hóa được xác định là miễn thuế nhập khẩu do thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu cho lĩnh vực ưu đãi đầu tư. Sau khi hàng hóa đã thông quan, cơ quan hải quan kiểm tra sau thông quan hoặc doanh nghiệp tự phát hiện hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu cho lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

(ii) Hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 (“Luật 107”) liên quan đến các trường hợp được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu

Ngày 31/8/2016, Bộ Tài Chính đã ban hành Công văn số 12166/BTC-TCHQ hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định của Luật 107. Công văn số 12166 quy định chi tiết 10 trường hợp được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, và hồ sơ thủ tục miễn thuế tương ứng.

Liên quan đến nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất thuộc các tờ khai đăng ký trước ngày 01/9/2016, Tổng Cục Hải quan cũng đã ban hành Công văn số 8621/TCHQ-TXNK hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Công văn 12166 như sau:

- Đối với các tờ khai đăng ký trước ngày 01/09/2016 đã hết thời gian ân hạn hoặc hết thời hạn bảo lãnh mà chưa xuất khẩu sản phẩm hoặc chưa tái xuất hàng hóa và chưa nộp thuế thì được miễn thuế nhập khẩu;
- Đối với các tờ khai đăng ký trước ngày 01/09/2016 đang trong thời gian ân hạn hoặc thời hạn bảo lãnh, doanh nghiệp thực hiện kê khai chuyển đổi mục đích trên tờ khai mới đối với số lượng hàng hóa đó để được miễn thuế nhập khẩu;
- Đối với hàng hóa đã xuất khẩu sản phẩm hoặc đã tái xuất và/hoặc đã nộp thuế, doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thuế/không thu thuế theo quy định hiện hành.

(iii) Các nghị định hướng dẫn về biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Ngày 1/9/2016, Chính phủ đã ban hành 11 nghị định hướng dẫn về biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo các hiệp định tự do thương mại đã ký kết, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/9/2016.

Liên hệ với chúng tôi

Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG

Warrick Cleine
Chủ tịch & Tổng Giám đốc
Việt Nam và Campuchia
Tổng Giám đốc Điều hành - Bộ phận Thuế

Hà Nội

Đỗ Thị Thu Hà, Phó tổng Giám đốc
Hoàng Thùy Dương, Phó tổng Giám đốc
Lê Thị Kiều Nga, Thành viên Điều hành
Nguyễn Thu Hương, Thành viên Điều hành
Nguyễn Ngọc Thái, Giám đốc
Nguyễn Hải Hà, Giám đốc
Phạm Thị Quỳnh Ngọc, Giám đốc
Hồ Đặng Thanh Huyền, Giám đốc
Taninaka Yasuhisa, Phụ trách Khách hàng Nhật Bản

Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Landmark 72
Lô E6 Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

T: +84 4 3946 1600
F: +84 4 3946 1601
E: kpmghanoi@kpmg.com.vn

Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Công Ái, Phó tổng Giám đốc
Ninh Văn Hiến, Thành viên Điều hành
Tạ Hồng Thái, Thành viên Điều hành
Hồ Thị Bích Hạnh, Thành viên Điều hành
Huỳnh Ngọc Nhân, Thành viên Điều hành
Nguyễn Thanh Hòa, Giám đốc
Nguyễn Thanh Tâm, Giám đốc
Joost van Vliet, Giám đốc
Trần Duy Bình, Giám đốc
Bùi Thị Thanh Ngọc, Giám đốc
Michal Jacob, Giám đốc
Watari Takashi, Phụ trách Khách hàng Nhật Bản

Lầu 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

T: +84 8 3821 9266
F: +84 8 3821 9267
E: kpmghcmc@kpmg.com.vn

kpmg.com.vn